



BẢN TIN PHÁP LUẬT

Số 36 – Tháng 1 Năm 2026 – Capable Counsel

I. Lĩnh vực bảo hiểm

1.1. Công văn 06/BHXH-QLT của Bảo hiểm xã hội Thành phố Hà Nội về việc thông báo mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp ban hành ngày 05 tháng 01 năm 2026

Địa bàn đơn vị áp dụng mức lương tối thiểu theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP tại thành phố Hà Nội

- Vùng II gồm các xã: Phúc Thọ, Phúc Lộc, Hát Môn, Quảng Oai, Cổ Đô, Minh Châu, Vật Lại, Bất Bạt, Suối Hai, Ba Vì, Đan Phượng, Chuyên Mỹ, Đại Xuyên, Phượng Dực, Vân Đình, Ứng Thiên, Ứng Hòa, Hòa Xá, Mỹ Đức, Phúc Sơn, Hồng Sơn, Hương Sơn;

- Vùng I gồm các xã, phường còn lại.

Tổ chức thực hiện

2.1. Văn phòng, các phòng nghiệp vụ

- Giao phòng Quản lý thu và phát triển người tham gia chủ trì phối hợp với Văn phòng, các phòng nghiệp vụ và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện việc thu BHXH, BHYT theo mức lương tối thiểu mới theo quy định, tổng hợp, đề xuất giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Giao phòng Tuyên truyền và hỗ trợ người tham gia đăng Cổng thông tin điện tử BHXH thành phố Hà Nội, chủ trì phối hợp cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về mức tiền lương tối thiểu làm căn cứ đóng BHXH đối với người lao động làm việc theo HĐLĐ áp dụng từ ngày 01/01/2026.

- Giao phòng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số chủ trì phối hợp phòng Quản lý thu và phát triển người tham gia, BHXH các cơ sở và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ giải quyết các khó khăn vướng mắc đối với hệ thống phần mềm quản lý thu cấp sổ BHXH, thẻ BHYT (TST). Đầu mối báo cáo BHXH Việt Nam, Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số các nội dung vượt quá thẩm quyền.

- Giao phòng Kiểm tra chủ trì phối hợp phòng Quản lý thu và phát triển người tham gia và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, rà soát việc triển khai thực hiện thu BHXH theo mức lương tối thiểu.



- Giao phòng Chế độ BHXH chủ trì hướng dẫn và giải quyết các khó khăn vướng mắc trong việc giải quyết chế độ BHXH cho người tham gia BHXH khi thực hiện thu BHXH theo mức lương tối thiểu.
- Giao Văn phòng chủ trì tiếp nhận và hướng dẫn các đơn vị sử dụng lao động và người tham gia BHXH đăng ký, đóng nộp BHXH tại bộ phận tiếp nhận và quản lý hồ sơ theo quy định.
- Giao Văn phòng, các phòng nghiệp vụ căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao hướng dẫn, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện theo đúng thẩm quyền.

1.2. Thông báo 64/TB-BHXH của Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh về mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp ban hành ngày 07 tháng 01 năm 2026

Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn thực hiện mức đóng BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) kể từ ngày 01/01/2026 như sau:

1. Mức lương tối thiểu:

Vùng	Mức lương tối thiểu tháng (Đơn vị: đồng/tháng)	Mức lương tối thiểu giờ (Đơn vị: đồng/giờ)
Vùng I	5.310.000	25.500
Vùng II	4.730.000	22.700
Vùng III	4.140.000	20.000
Vùng IV	3.700.000	17.800

(Danh mục địa bàn vùng I, vùng II, vùng III, vùng IV được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP).

1.3. Quyết định 107/QĐ-BNV của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ tại Nghị định 374/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết

một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp ban hành ngày 22 tháng 01 năm 2026

Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ tại Nghị định số 374/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp (*Phụ lục kèm theo*).

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bãi bỏ các Quyết định sau: Quyết định số 315/QĐ-BNV ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ, Quyết định số 990/QĐ-BNV ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố 06 thủ tục hành chính về bảo hiểm thất nghiệp triển khai thí điểm trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ.

II. Lĩnh vực đầu tư

2.1. Quyết định 254/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị tại ô A6 thuộc quy hoạch phân khu S1, xã Ô Diên, Thành phố Hà Nội ban hành ngày 16 tháng 01 năm 2026

Phê duyệt Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị tại ô A6 thuộc quy hoạch phân khu S1, xã Ô Diên, thành phố Hà Nội. Nội dung chi tiết tại Phụ lục kèm theo

Tổ chức thực hiện: 1. UBND xã Ô Diên: - Tổ chức lập hồ sơ mời thầu, trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu theo Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt tại Quyết định này và quy định tại Điều 13, 14 Nghị định số 393/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 2 Nghị định 225/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 và khoản 1 Điều 22 Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025). - Thực hiện trách nhiệm của bên mời thầu theo quy định tại Điều 79 Luật Đấu thầu 2023, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 và số 225/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025.



Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Quy hoạch - Kiến trúc, Nội vụ; Chủ tịch UBND xã Ô Diên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

2.2. Thông tư Quyết định 571/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 26 tháng 01 năm 2026

1. Thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố) trên cơ sở hợp nhất Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương, đồng thời, tiếp nhận chức năng liên quan đến lĩnh vực dân dụng và công nghiệp của Ban Quản lý dự án chuyên ngành Giao thông và Dân dụng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Tên giao dịch: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tên tiếng Anh: Project Investment Management Authority for Civil and Industry (Viết tắt tiếng Anh: PIMACI).

4. Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung.

Vị trí

a) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ), chịu sự chỉ đạo, quản lý trực

tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời chịu sự kiểm tra, thanh tra và hướng dẫn chuyên môn sở quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

b) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và ngân hàng thương mại để giao dịch theo quy định của pháp luật.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2026.

Bãi bỏ các Quyết định gồm: - Quyết định số 5676/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; - Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chuyển đổi cơ quan quản lý của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố 8 Hồ Chí Minh thành Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (mới); - Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương; - Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển đổi cơ quan quản lý của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương thành Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (mới).

III. Lĩnh vực doanh nghiệp

3.1. Công văn 234/BTC-DNTN của Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP trong công tác đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ban hành ngày 08 tháng 01 năm 2026

Căn cứ quy định tại các Điều 2, 3, 4 và 5 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để thay thế cho bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp)/bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh

doanh không được yêu cầu người thực hiện thủ tục nộp bản sao các giấy tờ nêu trên khi đã khai thác đầy đủ, chính xác các thông tin đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.

Khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP quy định: "*Cá nhân đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) đề nghị giải quyết thủ tục hành chính thì không phải thực hiện ký số biểu mẫu điện tử tương tác*".

Căn cứ quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Mục 2 Chương VI Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính) và khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP nêu trên, việc đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh trên môi trường điện tử được thực hiện như sau: a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký

3.2. Quyết định 02/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 08 tháng 01 năm 2026

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

"2. Các tài liệu minh chứng liên quan để xác định giao dịch mua bán, nhập khẩu (nếu có)".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 2 như sau:

"a) Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu) giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu có);

Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ



sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính;”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 2 của Quyết định này gửi trực tiếp, trực tuyến trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi có dự án, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc về bộ chủ quản dự án, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ (trong trường hợp có bộ chủ quản).

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này xem xét hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân nếu hồ sơ không hợp lệ, cần bổ sung hoặc sửa đổi.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân (theo Mẫu số 02) trong đó xác định rõ danh mục hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; trường hợp từ chối xác nhận phải có văn bản nêu rõ lý do.

Cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân về việc gia hạn thời gian trả lời trong trường hợp phải thẩm tra hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này tổ chức hội đồng để thẩm tra hồ sơ trước khi có văn bản trả lời. Thời gian thẩm tra và trả lời không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối xác nhận phải có văn bản nêu rõ lý do.

Kinh phí tổ chức hội đồng để thẩm tra hồ sơ được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Tổ chức cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 2 của Quyết định này gửi trực tiếp, trực tuyến trên cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ Khoa học và Công nghệ.”.



5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân (theo Mẫu số 02) trong đó xác định rõ danh mục hàng hóa sử dụng trực tiếp cho đổi mới công nghệ; trường hợp từ chối xác nhận phải có văn bản nêu rõ lý do.

Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân về việc gia hạn thời gian trả lời trong trường hợp phải thẩm tra hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này.”

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định các trường hợp cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu;

b) Quyết định số 31/2019/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học và thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3.3. Quyết định 40/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành Bộ chỉ số đo lường sức khỏe doanh nghiệp

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ số đo lường sức khỏe doanh nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

3.4. Công văn 174/CT-CS của Cục Thuế về việc điều chỉnh bù trừ lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp ban hành ngày 13 tháng 01 năm 2026



Cục Thuế nhận được công văn số 405/CTCP-PTCKT ngày 06/12/2025 của Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú về việc điều chỉnh bù trừ lại số thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp năm 2024. Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

- Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024, sửa đổi khoản 1 Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (có hiệu lực từ ngày 01/1/2025) quy định: "6. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 47 như sau:

a, Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

1. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót trong trường hợp sau đây:

a) Trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra;
b) Hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ thanh tra, kiểm tra thuế nêu tại quyết định thanh tra kiểm tra thuế".

3.5. Công văn 454/CT-CS của Cục Thuế về mẫu biểu khai thuế thu nhập doanh nghiệp ban hành ngày 23 tháng 01 năm 2026

Cục Thuế nhận được công văn số 41061/HAN-QLDN2 ngày 29/12/2025 của Thuế thành phố Hà Nội về việc vướng mắc phát sinh đối với hoạt động chuyển nhượng vốn của nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện Nghị định số 320/2025/NĐ-CP. Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ điểm i khoản 3 Điều 12 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP:

"3. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với doanh nghiệp nước ngoài quy định tại các điểm b2, b3 và b4 khoản 1 Điều 2 của Nghị định này được tính theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế phát sinh tại Việt Nam, cụ thể như sau:

i) Chuyển nhượng vốn (trừ trường hợp giao dịch tái cơ cấu sở hữu của các công ty trong nội bộ tập đoàn không làm thay đổi công ty mẹ tối cao của các bên tham gia có sở hữu trực tiếp, gián tiếp doanh nghiệp tại Việt Nam sau tái cơ cấu và không phát sinh thu nhập): 2%;

3.6. Quyết định 133/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2026 của Bộ Xây dựng ban hành ngày 30 tháng 01 năm 2026



Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2026 của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Các đơn vị chịu trách nhiệm chủ động triển khai nhiệm vụ được giao, đảm bảo chất lượng, tiến độ theo Kế hoạch. Văn phòng Bộ là đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

IV. Lĩnh vực lao động – tiền lương

4.1. Công văn 63/CT-CS của Cục Thuế về kê khai thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công miễn thuế theo Nghị quyết 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội ban hành ngày 07 tháng 01 năm 2026

Cục Thuế nhận được công văn số 671/DAN-QLDN1 ngày 21/8/2025 của Thuế thành phố Đà Nẵng về việc đề nghị Cục Thuế cho ý kiến về kê khai thuế thu nhập cá nhân (TNCN) từ tiền lương, tiền công được miễn thuế theo quy định tại Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội. Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tại Điều 17 Luật quản lý thuế số 38 (được sửa đổi tại Luật số 56/2024/QH15) quy định:
“Trách nhiệm của người nộp thuế

...

2. Khai chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế và các tài liệu cung cấp cho cơ quan thuế trong quá trình giải quyết hồ sơ thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

4.2. Kế hoạch 15/KH-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội hỗ trợ, phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn Thành phố Hà Nội năm 2026 ban hành ngày 13 tháng 01 năm 2026

Thực hiện Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025- 2030; Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 28/10/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030; Quyết định số 1305/QĐ-TTg ngày 08/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình quốc gia về tăng năng suất lao động đến năm 2030; Kế hoạch 196/KH-UBND của UBND thành phố Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 482/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch hỗ trợ phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026

4.3. Quyết định 116/QĐ-BNV của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ ban hành ngày 27 tháng 01 năm 2026

Căn cứ Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ.

4.4. Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 155/2020/NĐ-CP về Luật Chứng khoán

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Bổ sung, thay thế một số từ, cụm từ, phụ lục; bãi bỏ một số điểm, khoản, điều, phụ lục của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ, tài liệu báo cáo hợp lệ đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Công ty đại chúng chưa thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP có trách nhiệm hoàn tất thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

V. Lĩnh vực sở hữu trí tuệ

5.1. Thông tư 06/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 13/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 13/2020/TT-BTC ban hành ngày 26 tháng 01 năm 2026

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15; Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14 và Luật số 07/2022/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan;